

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2019/HS - ST

Ngày: 17-10-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Ngọc Điệp.

2/ Ông Thượng Văn Kính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 183/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2019/QĐXXST – HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Công D**, sinh ngày 15/3/1979. Tại: Bình Dương. Nơi ĐKKHKT: Ấp PT, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 4/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Dương Thị R; Vợ: Nguyễn Thị TA (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2000; Tiền án: Ngày 11/01/2010, Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 13 năm tù về các tội “Cướp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 03/2010/HSST. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/5/2002, Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 36; Ngày 09/02/2004, Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 10/HSST. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/5/2019 và tạm giam cho đến nay; Có mặt.

- Bị hại: Ông Hồ Thanh N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp PT, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Bà Tô Thị Thùy L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp A, xã AT, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Tô Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp A, xã AT, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Công D và anh Hồ Thanh N, sinh năm 1995, cư trú tại ấp PT, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương là bạn quen biết nhau. Vào khoảng 10 giờ ngày 03/11/2018, Trần Công D nhờ anh Hồ Thanh N ra trước khu vực tòa nhà B để đón D thì anh N đồng ý. Sau đó anh N điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1 - 638.xx chở cháu họ là Hồ Mạnh P, sinh năm 2002, ngụ tại xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương đi cùng. Khi gặp D, D nói với anh N là để D điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1-638.xx chở anh N và P đi về phòng trọ của D để D lấy nước hoa cho anh N thì anh N đồng ý. Sau đó, anh N để cho D điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1-638.xx chở anh N và P đi về phòng trọ của D lấy nước hoa. Khi về đến đầu hẻm gần phòng trọ của D tại phường P, thành phố M, D kêu anh N và P đứng đợi để D vào trong lấy nước hoa ra. Sau khi lấy được 02 chai nước hoa, D đưa cho anh N đồng thời hỏi mượn anh N xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1-638.xx để xuống phường LT, thị xã TA để đi công việc khoảng 15 phút sẽ quay lại trả xe. Do quen biết nhau từ trước nên anh N đã tin tưởng đồng ý cho D mượn xe. Sau khi mượn được xe của anh N thì D điều khiển xe mô tô biển số 61G1-638.xx xuống địa phận thị xã TA để lấy đồ rồi quay xe chạy về phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương để trả xe cho anh N. Tuy nhiên, khi đang điều khiển xe đi đến trước cây xăng số 6, địa chỉ tại đường NTMK, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh N để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, D đã điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1-638.xx đến quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà nghỉ. Khoảng 02 ngày sau thì D mang xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1-638.xx ra khu vực đường KVC, quận TĐ để bán chiếc xe trên với giá 22.000.000 đồng cho một người nam (không rõ nhân thân lai lịch). Sau khi bán được xe thì D đến khu vực bến xe miền Tây sống lang thang tại đó và tiêu xài hết số tiền trên. Đến ngày 27/5/2019, D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đối với anh Hồ Thanh N sau khi Trần Công D lấy xe đi thì anh N đã nhiều lần gọi điện cho D để yêu cầu D mang xe trả cho anh N nhưng không liên lạc được với D. Đến ngày 27/5/2019, anh N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một để trình báo sự việc.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 183/KLTS - TTHS ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: Xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1- 638.xx trị giá 31.500.000 đồng.

Đối với xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 61G1-638.xx, quá trình điều tra xác định xe trên do chị Tô Thị L, sinh năm 1966, cư trú tại ấp A, xã AT, thị xã B, tỉnh Bình Dương đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Chị L đã cho con gái là chị Tô Thị Thùy L, sinh năm 2000, cư trú tại ấp A, xã AT, thị xã B, tỉnh Bình Dương chiếc xe mô tô trên (chị L là vợ anh Hồ Thanh N). Ngày 03/11/2018, chị L đã giao xe cho anh N đi đón bạn thì bị Trần Công D chiếm đoạt. Chị L yêu cầu Trần Công D phải bồi thường cho chị L số tiền 31.500.000 đồng tương đương với giá trị chiếc xe.

Cáo trạng số 197/CT-VKS-HS ngày 11/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Trần Công D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử

phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bà Tô Thị Thùy L số tiền 31.500.000đ (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự đều không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trần Công D và Hồ Thanh N có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Ngày 03/11/2018, sau khi được bị hại giao xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61G1 – 638.xx, Trần Công D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, sau đó mang xe mô tô trên bán tiêu xài cá nhân. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 31.500.000đ (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là trường hợp “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã chủ động đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm

2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bà Tô Thị Thùy L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 31.500.000đ (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với bị hại Hồ Thanh N, do không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Công D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Công D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2019.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự 2015. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Tô Thị Thùy L số tiền 31.500.000đ (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.575.000đ (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo